TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2022.
V/v: *"Xin ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Trưng.
2. Ông Lê Như Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, về việc: " Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn***:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Có mặt

2. *Bị đơn*: Anh Võ Tấn H1, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Đồng địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:** Ngân hàng CSXH V – Phòng giao dịch huyện T

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A, Khu phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành T - Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021 và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:

-Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 tôi có chung sống thực tế như vợ chồng với anh H1, được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2007. Qúa trình chung sống đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 ngoại tình với người phục nữ khác, về nhà bạo lực gia đình. Nay tôi không còn tình cảm gì với anh H1, nên yêu cầu xin được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Thị Hoài N, sinh ngày 21/7/2006 và Võ Thị Trà G, sinh ngày 21/7/2006 lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng các Cháu N và G. Tuy nhiên, hiện nay anh H1 đang làm nghề thợ điện thu nhập ổn định, nay tôi yêu cầu anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng x 02 cháu = 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2022.

-Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Năm 2019 vợ chồng tôi (thuộc diện hộ cận nghèo) có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện T 20.000.000 đồng tiền gốc; và năm 2020 vợ chồng tôi vay (chương trình VSMT) của Ngân hàng CSXH huyện T 20.000.000 đồng tiền gốc, tổng cộng là: 40.000.000 đồng. Qúa trình sử dụng vốn vay vợ chồng tôi có trả tiền lãi theo định kỳ cho Ngân hàng, đây là khoản nợ chung của vợ chồng tôi. Nay vợ chồng tôi sẽ có nghĩa vụ trả nợ chung cho Ngân hàng.

* Bị đơn anh Võ Tấn H1 vắng mặt nhiều lần, không có lời trình bày.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Ngân hàng chính sách xã hội V– Phòng giao dịch huyện T. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ngày 19/6/2019 vợ chồng chị H, anh H1 có vay của Ngân hàng CSXH huyện T 20.000.000 đồng tiền gốc (thuộc diện hộ cận nghèo), lãi suất 7,920%/ năm, thời hạn trả nợ đến 19/6/2023; và ngày 19/9/2020 vợ chồng chi H, anh H1 vay tiếp của Ngân hàng 20.000.000 đồng (theo chương trình vệ sinh nước sạch nông thôn), lãi suất 09%/ năm, thời hạn trả nợ đến ngày 19/9/2025. Qúa trình sử sụng vốn vay vợ chồng chị H, anh H1 có trả dần tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng đến ngày 19/4/2022. Hiện nay, vợ chồng chị H, anh H1 còn nợ phía ngân hàng 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày 22/4/2022 là 27.814 đồng (trong đó: tiền lãi của chương trình nước sạch VSMT là 14.795 đồng; tiền lãi hộ cận nghèo là 13.019 đồng). Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng chị H, anh H1 đã ly hôn, nay tôi yêu cầu vợ chồng chị H, anh H1 phải trả nợ cho phía Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Võ Tấn H1 cư trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc: " Xin ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh H1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên anh H1 vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 chị H, anh H1 có chung sống thực tế như vợ chồng, đến năm 2007 được UBND xã A cấp giấy CNKH trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị H trình bày quá trình chung sống anh H1 không lo làm ăn, ngoại tình với người phục nữ khác, về nhà bạo lực gia đình nên cương quyết xin ly hôn với anh H1. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên anh H1 không đến Tòa, không quan tâm hàn gắn tình cảm với chị H, là thể hiện thiếu tinh thần trách nhiệm. Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị H

[3]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Thị Hoài N, sinh ngày 21/7/2006 và Võ Thị Trà G, sinh ngày 21/7/2006 lâu nay do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng các Cháu N và G, đồng thời yêu cầu anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng x 02 cháu = 2.000.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2022. HĐXX xét thấy các cháu N và G lâu nay do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó, mặt khác tại bản tự khai các cháu N và G có nguyện vọng xin được ở với mẹ (Nguyễn Thị H). Do đó cần giao các cháu N và G cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị H, HĐXX chấp nhận ở mức 800.000 đồng/cháu/tháng x 02 cháu = 1.600.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2022, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Đối với khoản nợ chung: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng CSXH V – Phòng giao dịch huyện T, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành T yêu cầu vợ chồng chị H, anh H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng hai khoản vay hộ cận nghèo và chương trình nước sạch VSMT tổng cộng: 40.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến ngày 22/4/2022 là 27.814 đồng. HĐXX xét thấy năm 2019 và năm 2020 vợ chồng chị H, anh H1 có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T 40.000.000 đồng tiền gốc (trong đó chương trình nước sạch VSMT 20 triệu đồng; hộ cận nghèo 20 triệu đồng và tiền lãi của hai khoản vay này đến ngày 22/4/2022 là 27.814 đồng), theo sổ vay

vốn của Ngân hàng là đúng thực tế và có căn cứ chấp nhận. Do đó cần buộc vợ chồng chị H, anh H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CSXH V – Phòng giao dịch huyện T toàn số tiền gốc trên và tiền lãi nêu trên.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST và án phí DSST; Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Võ Tấn H1

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trong nôm, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Võ Thị Hoài N, sinh ngày 21/7/2006 và Võ Thị Trà G, sinh ngày 21/7/2006. Buộc anh Võ Tấn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu, mỗi tháng 800.000 đồng x 02 cháu = 1.600.000 đồng/ tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2022 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình thì chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3.Về khoản nợ chung: Buộc chị H, anh H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng CSXH V – Phòng giao dịch huyện T **40. 027.814 đồng** (trong đó chương trình nước sạch VSMT 20.000.000 đồng tiền gốc và 14.795 đồng tiền lãi; và 20.000.0000 đồng hộ cận nghèo và 13.019 đồng tiền lãi)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST và 1.000.695 đồng án phí DSST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 03752 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H còn phải nộp 700.695 đồng.

Buộc anh H1 phải chịu 1.300.695 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình